TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2019/HS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường.**
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Lê Thị Sáu**
+ Bà **Phan Thị Hà**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông **Lê Hữu Việt Phú**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm LQ2 khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Trần Văn N**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1989; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT: Xã Xuân Hòa, huyện X, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Ch1 (đã chết); Con bà: Hoàng Thị M1, sinh năm 1947; Vợ con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: có 02 tiền án: + Tại Bản án số 95/2014/HSST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt Trần Văn N 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (thời hạn chấp hành án tính từ ngày 05/7/2014); + Tại Bản án số 60/2015/HSST ngày 27/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt Trần Văn N 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (thời hạn chấp hành án tính từ ngày 05/10/2015). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: **Lê Văn S**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1996; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Ch2, sinh năm 1966; Con bà: Ngô Thị M2, sinh năm 1972; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: **Trịnh Văn T**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1999; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn Ch3, sinh năm 1974; Con bà: Trần Thị M3, sinh năm 1970; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4- Họ và tên: **Nguyễn Thành P**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1990; Nơi sinh: Bắc Giang; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh Ch4 (đã chết); Con bà: Đinh Thị M4, sinh năm 1961; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5- Họ và tên: **Võ Văn H**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1998; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã ĐamBri, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: sửa xe máy; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn Ch5 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M5, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Đức Thiên Ph, sinh năm 2000; Con: có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2018 đến ngày 11/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6- Họ và tên: **Cao Quốc M**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 06/11/2000; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Văn Ch6 (đã chết); Con bà: Trần Thị M6, sinh năm 1969; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2018 đến ngày 14/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo Cao Quốc M:***

Luật sư Nguyễn **Ls**- Luật sư thuộc LQ2 ty luật trách nhiệm hữu hạn Y

Địa chỉ: Số 43 Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Sơn, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

**** Bị hại:***

1. Bà **Trần Thị H1**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

2. Anh **K' H2**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3. Anh **Trần Hữu H3**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 96 Trần Nguyễn Hãn, phường II, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

4. Anh **Đào Anh H4**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số 50/2 đường 1/5, Tổ 19, phường Lộc Sơn, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

5. Chị **Vũ Ngọc H5**, sinh năm: 2000

Địa chỉ: Số 109 Nguyễn LQ2 Trứ, phường II, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

6. Anh **Lê Trọng H6**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Thôn Tân Bình 2, xã Lộc Thanh, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

7. Chị **Đinh Thị H7**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Số 121/3 Mạc Đĩnh Chi, Tổ 13, phường II, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

**** Người liên quan:***

1 Anh **Nguyễn Minh LQ1**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

2 Anh **Quách Tấn LQ2**, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

3 Anh **Bùi Văn LQ3**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

4. Anh **Nguyễn Quốc LQ4**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Tân An, xã Lộc Châu, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

5. Anh **Trần Trung LQ5**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số 113 Phan Bội Châu, phường I, Tp. Y, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N, Lê Văn S, Trịnh Văn T là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, trong thời gian từ ngày 19/5/2018 đến ngày 16/8/2018 N cùng với Lê Văn S, Trịnh Văn T tham gia thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B và thành phố Y và có Cao Quốc M, Nguyễn Thành P, Võ Văn H tham gia chứa chấp, tiêu thụ tài sản do N cùng đồng phạm trộm cắp mà có, cụ thể như sau:

- Các vụ Trộm cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản tại địa bàn huyện B:

+ **Vụ thứ 1**: Vào khoảng 23 giờ ngày 05/7/2018 Trịnh Văn T đi bộ đến Thôn 2, xã L, huyện B để về nhà thì thấy xe máy Ya maha Sirius màu đỏ đen, biển số 49K1- 430.74 dựng trong một nhà dân nhưng không khóa cửa, cổng. T đi vào thấy chìa khóa xe vẫn cắm trên xe nên mở cửa vào lấy trộm xe máy đi đến phòng trọ của Nguyễn Minh LQ1 để nhờ xe và ngủ lại tại đây. Sáng ngày 06/7/2018 T điều khiển xe về nhà tại Thôn 4, xã L, huyện B (gia đình hỏi thì T nói là xe mượn của bạn). Đến khoảng 20h00' cùng ngày T điều khiển xe quay lại phòng trọ của LQ1 thì gặp Cao Quốc M, Lê Văn S đang ngồi chơi và Trần Văn N đang ngủ trên gác phòng trọ. M hỏi về nguồn gốc xe thì T nói cho M, S biết là xe trộm cắp được (N đang ngủ không biết việc này) và nhờ M, S tìm chỗ tiêu thụ xe thì M, S đồng ý nhưng vì trời đã tối nên thống nhất ngày mai đi tìm người tiêu thụ xe . Sáng ngày 07/7/2018 M gọi điện cho LQ1 (Tiêu, chưa rõ lai lịch) nhờ tìm chỗ cầm xe giùm thì LQ1 đồng ý và đến phòng trọ lấy xe Sirius biển số 49K1- 430.74 đem đi cầm (không rõ ở đâu) được 3.000.000đ. LQ1 lấy 100.000đ và được T cho thêm 100.000đ. Còn lại 2.800.000đ T cho M 200.000đ và giữ lại số tiền 2.600.000đ mua đồ ăn uống cho cả nhóm và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 103/KLĐG ngày 20/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 49K1-430.74 có giá trị là 15.000.000đ.

Xác định bị hại chủ sở hữu hợp pháp tài sản xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 49K1- 430.74 là bà Trần Thị H1. Bà H1 yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường tài sản xe máy bị mất bằng trị giá tài sản đã định giá là 15.000.000đ.

+ **Vụ thứ 2**: Vào khoảng 16h00' ngày 16/8/2018 Lê Văn S, Trần Văn N, Cao Quốc M cùng một người bạn tên gọi là Bi (chưa rõ lai lịch) ăn nhậu tại chòi cà phê của gia đình M tại Thôn 4, xã L, huyện B. Đến khoảng 19h30' N và S mượn xe máy Airblade của Bi (không rõ biển số) đi ra Y để gặp Nguyễn Thành P lấy tiền nợ nhưng không có nên cả hai quay về lại xã L. Khi đi ngang qua quán internet Hồng Nghiêm thuộc Thôn 3, xã L, huyện B thấy có nhiều xe máy trước quán không có người trông coi nên N, S nảy sinh ý định trộm cắp xe máy. S điều khiển xe Airblade đến vị trí trước cổng nhà bà Ka Th cách quán internet 150m

giấu xe Airblde, rồi cùng N đi bộ quay lại quán internet thấy xe máy Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 49K1- 204.59 của anh K'H2 không khóa cổ, S đi đến cửa sắt (đang đóng) phòng máy tính để cảnh giới, N vào dắt xe máy ra ngoài đường rồi cả hai dắt xe máy đến chỗ để xe Airblade. S vào nhà bếp nhà bà Ka Th (không đóng cửa) lấy 1 con dao đưa cho N cắt một đoạn dây thừng dài 4m-5m (dây buộc gàu múc nước giếng của nhà bà Ka Th), đem ra buộc một đầu dây vào đuôi xe Airblade, một đầu buộc vào đầu xe Exciter. S điều khiển xe Airblade kéo xe Exciter do N điều khiển đến gặp Cao Quốc M và nói cho M biết xe vừa trộm cắp được thì M đồng ý cho giấu xe Exciter tại chòi cà phê của gia đình M cách đó k hoảng 100m. Sau đó tất cả quay về chòi ban đầu đi ngủ, lúc này Bi đang ngủ trong chòi không biết về việc này. Sáng hôm sau ngày 17/8/2018, khi Bi đã đi về thì S, N lấy cờ lê, tuốc nơ vít trong chòi của M tháo, cắt, đấu dây điện nổ được xe máy Exciter. Đến khoảng 13h00' N gọi điện thoại cho Nguyễn Thành P nhờ tìm người cầm cố xe. P đồng ý nên N và M điều khiển xe Exciter biển số 49K1- 204.59 đến gặp P ở một quán cà phê ở Phường 2, Tp. Y. P hỏi về nguồn gốc xe thì N cho biết là xe trộm cắp. P điện thoại gọi cho Võ Văn H hỏi "*Có cầm cố xe không giấy tờ không ?"* thì H đồng ý và hẹn mang xe đến nhà H. Khoảng 22h00' cùng ngày P, N, M chở ba đi trên xe Exciter biển số 49K1- 204.59 đến thấy nhà H đang đóng cửa. P gọi điện cho H ra mở cửa, rồi M dắt xe vào cho H xem, N nói: *"Xe này không có giấy tờ, cầm 7.000.000 đồng"* H thấy xe đang còn mới mà không có giấy tờ, nguồn gốc không rõ ràng, giá cầm xe thấp và suy đoán xe này là xe trộm cắp nhưng nảy sinh ý định nhận cầm xe để bán lấy lời nên đồng ý cầm xe với giá 7.000.000đ và đưa tiền cho N. N cho M 200.000đ để đi taxi về L, chuộc lại 01 xe máy dạng Wave hiệu Darling màu xanh lá cây biển số 51Y5-5033 (do N, S trộm cắp ở Y, sau đó một mình S cầm cố cho H trước đó với giá là 1.200.000đ); cho P mượn 1.000.000đ; số tiền còn lại 4.600.000đ N tiêu xài cá nhân, ăn uống, thuê nhà nghỉ ở và mua ma túy đá cùng nhau sử dụng.

Tại kết luận định giá tài sản số 87/KLĐG ngày 21/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện B kết luận: 01xe Yamaha Exciter biển số 49K1-204.59, số máy: 55P1103912; số khung: 5P20CY103912 có trị giá 20.000.000đ.

Xác định chủ sở hữu hợp pháp xủa xe máy Yamaha Exciter biển số 49K1- 204.59 là anh K'H2. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tạm giữ và trả lại vật chứng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 49K1- 204.59 cho anh K' H2, anh K'H2 không có yêu cầu gì.

- Các vụ Trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản tại địa bàn thành phố Y:

+ Vụ thứ 1: Vào khoảng 18h00' ngày 19/5/2018 Trần Văn N cùng Trịnh Văn T trộm cắp xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 76Z1- 9054 để trên vỉa hè trước nhà số 60 Nguyễn Công Trứ, phường I, TP. Y. Sau đó, N bán xe này cho anh Quách Tuấn LQ2 với giá 3.600.000đ rồi lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến khoảng đầu tháng 08/2018, LQ2 bán xe này cho Bùi Văn LQ3 với giá 3.000.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 107A/HĐĐG ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Y đối với: 01 xe Yamaha Sirius, biển số 76Z1-9054 có giá trị là 9.750.000đ.

Xác định chủ sở hữu hợp pháp của xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đen, không lắp biển số, số máy: 378916, số khung: 378917 là anh Trần Hữu H3. Anh H3 yêu cầu nhận lại xe và không có yêu cầu gì.

+ Vụ thứ 2: Vào khoảng 19h30' ngày 20/6/2018, Lê Văn S cùng với Trịnh Văn T dùng kìm đã chuẩn bị sẵn cắt tai khoá phòng trọ số 1 của anh Đào Anh H4, thuộc khu trọ số

123 Phạm Ngọc Thạch, tổ 15, phường Lộc Sơn, TP Y lấy trộm 01 laptop (máy tính xách tay) hiệu Asus màu đen, sau khi trộm cắp được S mang đến một tiệm điện tử thuộc chợ Di Linh (không xác định được) bán với giá 2.000.000đ, cùng nhau tiêu xài. Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu hồi được tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 107A/HĐĐG ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Y đối với: 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu đen có giá trị là 4.500.000đ.

Bị hại là anh Đào Anh H4 cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.500.000đ tương ứng với máy tính Asus bị chiếm đoạt.

+ Vụ thứ 3: Vào khoảng 21h00' ngày 10/7/2018, Trần Văn N một mình cắt tai khoá phòng số 7, khu trọ hẻm 109 Nguyễn Công Trứ, phường II, TP Y của chị Vũ Ngọc H5 trộm cắp 01 laptop (máy tính xách tay) hiệu Dell màu xám và 2.000.000đ tiền mặt. Sau khi lấy trộm được N đem cầm máy tính xách tay được 2.000.000đ (không xác định được nơi cầm cố máy tính), tiêu xài hết. Cơ quan CSĐT không thu hồi được vật chứng.

Kết luận định giá tài sản số 107A/HĐĐG ngày 01/11/2018 của Hội đồng định chía tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Y đối với: 01 máy tính xách tay hiệu Dell màu xám, vào ngày 10/7/2018. Tài sản không thu hồi được, không có thông tin liên quan nên không có cơ sở định giá. Không xác định được giá trị tài sản.

Bị hại chị Vũ Ngọc H5 yêu cầu bị can phải bồi thường số tiền 5.000.000đ là tiền chị đã dùng để mua máy tính Dell bị chiếm đoạt.

+ Vụ thứ 4: Vào khoảng 19 giờ ngày 24/7/2018, Trần Văn N và Lê Văn S đi lang thang, phát hiện phòng số 4, khu trọ thuộc Tổ 11, phường Lộc S, TP Y không khoá cửa nên cả hai lẻn vào lấy trộm xe máy hiệu Darling màu xanh, biển số 51Y5- 5033 của anh Lê Trọng N sau đó mang về sử dụng. Khoảng 10 ngày sau, S mang xe này đến cầm cho Võ Văn H được 1.200.000đ (H không biết tài sản này do trộm cắp mà có). Đến tối ngày 17/8/2018 N chuộc lại xe này từ H với giá 1.200.000đ rồi cho Nguyễn Thành P sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an TP. Y thu giữ từ Nguyễn Thành P vật chứng của vụ án là 01 xe máy hiệu Darling màu xanh không biển số.

Kết luận định giá tài sản số 107A/HĐĐG ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Y đối với: 01 xe máy hiệu Darling màu xanh, biển số 51Y5- 5033 vào ngày 24/7/2018 có giá trị là 3.000.000đ.

Bị hại anh Lê Trọng N yêu cầu được nhận lại xe máy Darling biển số 51Y5- 5033 trên. Tuy nhiên do giấy tờ xe đứng tên người khác (anh Trịnh V) nên hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đang tạm giữ xe máy.

+ Vụ thứ 5: Khoảng 14h00' ngày 04/8/2018 Trần Văn N chuẩn bị một kìm cộng lực và rủ Lê Văn S tới khu nhà trọ số 70/27 Đinh Tiên Hoàng, phường I, TP Y để trộm cắp tài sản; phát hiện phòng số 4 của chị Đinh Thị H7 khoá cửa ngoài N dùng kìm cộng lực bẻ tai khoá vào phòng lấy trộm 01 xe máy hiệu Honda Future 125FI màu xanh, biển số 49E1-592.15 ra đưa cho S dắt đi, N tiếp tục lấy 01 Ipad 5, 01 ĐTDĐ Xiaomi note 4, 01 bóp nữ bên trong có giấy tờ tuỳ thân cùng giấy đăng ký xe 49E1- 592.15 mang tên Đinh Thị H7 và số tiền 700.000đ. Sau đó S nhờ Nguyễn Thành P mang xe 49E1- 592.15 cùng giấy đăng ký xe bán cho Nguyễn Quốc K với giá 15.000.000đ; P lấy 2.000.000đ; mang về đưa cho S 13.000.000đ; S cho P thêm 2.000.000đ rồi P mượn thêm 4.000.000đ; tổng cộng là 8.000.000đ; còn lại N lấy 4.000.000đ; S lấy 3.000.000đ. Đến ngày 30/8/2018 K mang xe Future cùng giấy đăng ký xe cầm tại tiệm cầm đồ Trần Gia số 113 Phan Bội Châu, phường I,

TP Y cầm cố cho anh Trần Trung LQ5 là quản lý tiệm được số tiền 17.000.000đ. Đối với Ipad5 do lo sợ sự phát hiện của cơ quan Công an nên S và N đã đưa vào vườn cà phê ở Thôn 5, xã L sau đó phá hỏng. Đối với ĐTDĐ Xiaomi note 4 S mang bán tại một tiệm điện thoại ở chợ Lộc Quảng, huyện B (không xác định được địa chỉ tiệm điện thoại) được 600.000đ một mình S tiêu xài. Đối với số tiền 700.000đ tiền mặt, cả bọn cùng tiêu xài chung hết; về bóp cùng các giấy tờ tùy thân của chị H7 các đối tượng đã làm thất lạc không thu hồi được.

Cơ quan CSĐT Công an TP.Y đã thu giữ được 01 xe máy hiệu Honda Future màu xanh, biển số 49E1- 592.15 và giấy đăng ký xe này từ anh Trần Trung LQ5; truy tìm thu giữ được 01 máy Ipad5 màu trắng, đã bị vỡ màn hình tại vườn cà phê thuộc Thôn 5, xã L, huyện B.

Kết luận định giá tài sản số 107A/HĐĐG ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Y đối với: 01 xe máy Honda Future 125FI màu xanh biển số 49E1- 592.15; 01 Ipad5 32GB; 01 ĐTDĐ Xiaomi Redmi 4A; 01 ví da màu tím vào ngày 04/8/2018 có tổng giá trị là 32.900.000đ cùng với số tiền 700.000đ thì tổng giá trị tài sản bị N, S chiếm đoạt là 33.600.000đ.

Bị hại chị Đinh Thị H7 đã được cơ quan CSĐT Công an thành phố Y trả lại: 01 xe máy Honda Future 125FI màu xanh biển số 49E1- 592.15. Chị H7 yêu cầu các bị c áo phải liên đới bồi thường số tiền 4.500.000đ tương đương với giá trị máy Ipad 5, số tiền 1.200.000đ tương đường với giá trị ĐTDĐ Xiaomi note 4 và số tiền mặt 700.000đ.

Người liên quan anh Trần Trung LQ5 yêu cầu bồi thường số tiền đã cầm cố xe máy là 17.000.000đ.

Qua điều tra xác định được từng bị cáo thực hiện các lần phạm tội với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được như sau:

- Bị cáo Trần Văn N:

+ N một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 4.000.000đ;

+ N cùng với Lê Văn S thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 56.600.000đ;

+ N cùng với Trịnh Văn T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 9.750.000đ

Như vậy tổng trị giá tài sản mà N cùng đồng phạm trộm cắp được là 70.350.000đ (gồm tại huyện B thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trị tài sản là 20.000.000đ, thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại thành phố Y với giá trị tài sản là 50.350.000đ)

- Bị cáo Lê Văn S:

+ S cùng với Trần Văn N thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 56.600.000đ;

+ S cùng với Trịnh Văn T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 4.500.000đ;

Như vậy tổng trị giá tài sản mà S cùng đồng phạm trộm cắp được là 61.100.000đ (gồm 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện B với giá trị tài sản là 20.000.000đ và 03 vụ trộm cắp tài sản tại thành phố Y với giá trị tài sản là 41.100.000đ).

+ Ngoài ra S còn thực hiện 01 vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với giá trị tài sản là 15.000.000đ.

- Bị cáo Trịnh Văn T:

+ T một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá là 15.000.000đ;

+ T cùng với Trần Văn N thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 9.750.000đ;

+ T cùng với Lê Văn S thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 4.500.000đ;

Như vậy tổng trị giá tài sản mà T cùng đồng phạm trộm cắp được là 29.250.000đ (gồm thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện B với giá trị tài sản là 15.000.000đ, thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại thành phố Y với giá trị tài sản là 14.250.000đ).

- Bị cáo Nguyễn Thành P thực hiện 01 vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với giá trị tài sản là 20.000.000đ tại địa bàn huyện B. Ngoài ra P còn 01 lần giúp Trần Văn N mang xe 49E1- 592.15 cùng giấy đăng ký xe bán cho Nguyễn Quốc K với giá 15.000.000đ, P không biết tài sản là do trộm cắp mà có, cơ quan CSĐT không thu thập được chứng cứ khác để chứng minh nên không đủ cơ sở xử lý P về lần phạm tội này.

- Bị cáo Võ Văn H thực hiện 01 vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với giá trị tài sản là 20.000.000đ. Ngoài ra H còn 01 lần cầm xe máy hiệu Darling màu xanh, biển số 51Y5- 5033 của Lê Văn S với giá 1.200.000đ, H không biết là tài sản do S trộm cắp mà có, cơ quan CSĐT không thu thập được chứng cứ khác để chứng minh do đó không đủ cơ sở để xử lý đối với H về lần phạm tội này.

- Bị cáo Cao Quốc M thực hiện 01 vụ chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với trị giá là 20.000.000đ và 01 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với trị giá là 15.000.000đ đều trên địa bàn huyện B với tổng giá trị tài sản là 35.000.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT- VKS-BL ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện B truy tố bị cáo Trần Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn S về tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Thành P, Võ Văn H về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Cao Quốc M về tội "*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng;

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Văn N** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 04 năm tù đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2018.

- Tuyên bố bị cáo **Lê Văn S** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn S phải chấp hành hình phạt chung là từ 30 tháng tù đến 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2018.

- Tuyên bố bị cáo **Trịnh Văn T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2018.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành P phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Tuyên bố bị cáo Võ Văn H phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn H 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Tuyên bố bị cáo Cao Quốc M phạm tội "*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Quốc M 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, đạidiện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

+ Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

+ Luật sư Nguyễn Ls bào chữa cho bị cáo M cho rằng Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng pháp luật, tuy nhiên Luật sư cho rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với M là cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phát bị cáo M từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo là thỏa đáng.

+ Bị hại Đào Anh H4 xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

+ Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội là sai. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo Trần văn N, Lê Văn S, Trịnh Văn T, Nguyễn Thành P, Võ Văn H, Cao Quốc M thể hiện:

Để có tiền sử dụng và mua ma túy, trong khoảng thời gian từ ngày 19/5/2018 đến ngày 16/8/2018 Trần Văn N và Lê Văn S, Trịnh Văn T tham gia thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản khác nhau trên địa bàn huyện B và Thành phố Y, sau đó đem đi tiêu thụ. Trong đó Trần Văn N thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 70.350.000đ; Lê Văn S tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 61.100.000đ và S thực hiện 01 vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với giá trị tài sản là 15.000.000đ; Trịnh Văn T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 29.250.000đ; Nguyễn Thành P, Võ Văn H thực hiện 01 vụ tiêu thụ tài sản do

người khác phạm tội mà có với giá trị tài sản là 20.000.000đ; Cao Quốc M thực hiện 01 vụ chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với tổng giá trị tài sản là 35.000.000đ.

Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Lê Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Trịnh Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Thành P, Võ Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Cao Quốc M đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác; gây bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng cho các bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này còn có đối tượng Nguyễn Minh LQ1 có hành vi cho Trịnh Văn T, Cao Quốc M, Lê Văn S để nhờ xe máy trộm cắp mà có tại phòng trọ của LQ1 ở phường Lộc Sơn, TP Y. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, làm việc với LQ1 nhưng hiện LQ1 đã đi khỏi địa phương nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với LQ1 về hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với đối tượng tên Bi (chưa rõ lai lịch) cho N, S mượn xe máy Airblade màu cam đen, không biển số; đối tượng tên LQ1 Tiêu (chưa xác định được lai lịch) đi bán xe máy do T trộm cắp mà có. Cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Quách Tuấn LQ2, Bùi Văn LQ3, Nguyễn Quốc K, Trần Trung LQ5 có hành vi cầm cố, mua bán xe máy do các bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, LQ2, LQ3, K, LQ5 không biết tài sản này là do các bị cáo phạm tội mà có, Cơ quan CSĐT không thu thập được chứng cứ khác, do đó không có căn cứ để xử lý hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn N phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *Tái phạm* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; các bị cáo Trần Văn N, Lê Văn S, Trịnh Văn T, Cao Quốc M phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *Phạm tội 02 lần trở lên* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Qúa trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo P, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo M phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên nên được áp dụng Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự; tại phiên tòa bị hại Đào Anh H4 xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 đoạn dây vải , loại dây thừng dài 1m, rộng 10cm, cũ bám nhiều bùn đất (phần dây bị cắt để lại ở giếng nhà bà Ka Th) và 01 máy Ipad 5 màu trắng, đã bị bẻ cong, vỡ màn hình, gắn kèm theo ốp lưng nhựa màu nâu , dính nhiều bụi, đất. Do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe máy Yamaha Sirius màu đen , không lắp biển số , số máy: 378916, số khung: 378917. Chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Hữu H3. Anh H3 yêu cầu được nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì nên cần trả lại cho anh H3 chiếc xe này là phù hợp.

Đối với 01 xe máy hiệu DarLing , không biển số, số máy: FMH-10294461, số khung: FDL110-10295011. Bị hại anh Lê Trọng N yêu cầu được nhận lại chiếc xe máy trên. Tuy nhiên do giấy tờ xe đứng tên người khác (anh Trịnh Viễn) nên giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiếp tục làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ vật chứng trên lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo M bồi thường cho bà H1 200.000đ

Buộc bị cáo T bồi thường cho bà H1 14.800.000đ và bồi thường cho anh H4 2.250.000đ;

Buộc bị cáo N bồi thường cho chị H5 7.000.000đ, bồi thường cho anh LQ5 4.000.000đ và bồi thường cho chị H7 3.200.000đ;

Buộc bị cáo S bồi thường cho anh H4 2.250.000đ, bồi thường cho anh LQ5 3.000.000đ và bồi thường cho chị H7 3.200.000đ;

Buộc bị cáo P bồi thường cho anh LQ5 8.000.000đ;

Buộc anh K bồi thường cho anh LQ5 2.000.000đ;

Buộc bị cáo M nộp 200.000đ, P nộp 1.000.000, N nộp 9.400.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với bà Ka Th bị cắt 01 đoạn dây thừng buộc gàu nhưng bà không có yêu cầu bồi thường xử lý gì nên không đề cập đến.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*" buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. - Tuyên bố bị cáo **Trần Văn N** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2018.

- Tuyên bố bị cáo **Lê Văn S** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn S 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; 06 tháng tù về tội "*Tiêu thụ tài sản*

do người khác phạm tội mà có", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn S phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2018.

- Tuyên bố bị cáo **Trịnh Văn T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 05 (năm) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trịnh Văn T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành P phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Tuyên bố bị cáo Võ Văn H phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Tuyên bố bị cáo Cao Quốc M phạm tội "*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Cao Quốc M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành P và bị cáo Cao Quốc M cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Giao bị cáo Võ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã ĐamBri, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây vải, loại dây thừng dài 1m, rộng 10cm, cũ bám nhiều bùn đất (phần dây bị cắt để lại ở giếng nhà bà Ka Th) và 01 máy Ipad 5 màu trắng, đã bị bẻ cong, vỡ màn hình, gắn kèm theo ốp lưng nhựa màu nâu, dính nhiều bụi, đất.

Trả lại cho anh Trần Hữu H3 01 xe máy Yamaha Sirius màu đen , không lắp biển số , số máy: 378916, số khung: 378917.

Đối với 01 xe máy hiệu DarLing , không biển số, số máy: FMH-10294461, số khung: FDL110-10295011. Bị hại anh Lê Trọng N yêu cầu được nhận lại chiếc xe máy trên. Tuy nhiên do giấy tờ xe đứng tên người khác (anh Trịnh Viễn) nên giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiếp tục làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ vật chứng trên lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo M bồi thường cho bà H1 200.000đ

Buộc bị cáo T bồi thường cho bà H1 14.800.000đ và bồi thường cho anh H4 2.250.000đ;

Buộc bị cáo N bồi thường cho chị H5 7.000.000đ, bồi thường cho anh LQ5 4.000.000đ và bồi thường cho chị H7 3.200.000đ;

Buộc bị cáo S bồi thường cho anh H4 2.250.000đ, bồi thường cho anh LQ5 3.000.000đ và bồi thường cho chị H7 3.200.000đ;

Buộc bị cáo P bồi thường cho anh LQ5 8.000.000đ;

Buộc anh K bồi thường cho anh LQ5 2.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo M nộp 200.000đ, P nộp 1.000.000, N nộp 9.400.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với bà Ka Th bị cắt 01 đoạn dây thừng buộc gàu nhưng bà Ka Th không có yêu cầu bồi thường xử lý gì nên không đề cập đến.

4. Về án phí:

Buộc các bị cáo N, S, T, P, H, M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo N phải chịu 710.000đ, bị cáo M phải chịu 300.000đ, bị cáo T phải chịu 852.500đ, bị cáo S phải chịu 422.500đ, bị cáo P phải chịu 400.000đ và anh Nguyễn Quốc K phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (12/4/2019); Đối với người bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND, CA Huyện B;*
- *Chi cục THADS Huyện B;*
- *Bị cáo, những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường